

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 28 /2021/DS-ST
Ngày: 19 -10- 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường
2. Ông Tạ Đình Thành

- **Thư ký Tòa án phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST – DS ngày 14/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Thế A, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Khu phố 8, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày). Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1991

Bà Phạm Hải T, sinh năm 1992

Địa chỉ: khu phố M, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/7/2020, bà H có cho chị T vay tổng số tiền 2.470.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất. Hai bên có lập giấy vay, có chữ ký xác nhận nợ của chị Phạm Hải T và thỏa thuận thời hạn trả nợ ngày 22/02/2021 dương

lịch. Tuy nhiên, đến hạn trả bà H đã đòi nhiều lần nhưng chị T vẫn chưa trả cho bà H khoản nào.

Do anh Phạm Văn T là chồng của T nên bà H yêu cầu chị T, anh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi tổng số nợ là tiền 2.470.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên, bà H yêu cầu chị T, anh T phải trả tiền mặt một lần tại Tòa án, không đồng ý ghi nhận thỏa thuận. Đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Trong bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị T, anh T trình bày:

Chị T thừa nhận vào ngày 10/7/2020 có vay của bà H tổng số tiền 2.470.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền, chị T có ký xác nhận, hẹn ngày 22/02/2021 dương lịch sẽ trả đủ. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị T không có khả năng trả nợ cho bà H. Anh T cho rằng tuy khoản vay này một mình chị T tham giao dịch, anh không biết đến khoản vay giữa vợ anh với bà H nhưng anh với chị T là vợ chồng, khoản vay này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị T. Do vậy, trước yêu cầu của bà H, chị T, anh T đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.470.000.000 đồng cho bà H.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu chị T, anh T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 2.470.000.000 đồng. Đây là khoản tiền xuất phát từ giao dịch vay tiền nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Nguyên đơn bà H, bị đơn chị T đều thừa nhận ngày 10/7/2020 có vay của bà H tổng số tiền 2.470.000.000 đồng, hẹn ngày 22/02/2021 sẽ trả đủ. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2021 (BL33) bị đơn chị T, anh T đồng ý liên đới trả số nợ này cho bà H, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc chị T, anh T có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc là 2.470.000.000 đồng cho bà H là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu về lãi suất do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà H về việc buộc chị T, anh T phải trả số nợ gốc 2.470.000.000 đồng, bằng tiền mặt thanh toán một lần tại Tòa án. Hội đồng nhận thấy đây là yêu cầu thi hành án, khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về vấn đề thi hành án số tiền này thuộc thẩm quyền của Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự được quy định tại Điều 35 Luật thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về ý kiến của Kiểm sát viên đối với nội dung vụ án là có căn cứ nên cần được ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn chị Phạm Hải T và anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.470.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Hải T và anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 81.400.000 đồng (Tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 40.700.000 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007230 ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (bà H) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (chị T, anh T) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Tịnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồigiờ phút, ngày 01 tháng 8 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Xuân Thuần

2. Ông Điều Phương

T hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST – DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Bạch Lan, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phí Ngọc Minh, sinh năm: 1989 (Theo hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng Trần Phùng công chứng số 00000445, quyền số 01-2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2019);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1975 và bà Đoàn Thị Thanh, sinh năm: 1976;

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về áp dụng điều luật:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý, không ai có ý kiến khác

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Đoàn Thị Thanh và ông Nguyễn Văn Quân có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị Bạch Lan tổng số tiền 666.050.000 đồng (sáu trăm sáu mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó: nợ gốc là 630.000.0000 đồng + tiền lãi chậm trả tính từ

ngày 06/01/2019 đến ngày 01/8/2019 là 36.050.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý, không ai có ý kiến khác.

3. Về các vấn đề khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Thanh và ông Nguyễn Văn Quân phải liên đới chịu 30.642.000 đồng (ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ghạch .

Bà Đinh Thị Bạch Lan không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Lan số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 14.600.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) mà bà Lan đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006246 ngày 16/01/2019 và số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm (theo đơn yêu cầu bổ sung) là 656.250 đồng (sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) mà bà Lan đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006399 ngày 31/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nghị án kết thúc vào hồi ...giờ ... phút, ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Xuân Thuần Điều Phương

Nguyễn Thị Minh Nghĩa